TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ Đ** **TỈNH G L**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:23/2019/HSST
Ngày 02 tháng 8 năm 2019

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ Đ, TỈNH G L

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn T S.

Các Hội thẩm nhân dân:
1.Ông Lưu T - Nguyên Hiệu trưởng Trường tiểu học số 3 thị trấn Đ Đ.
2.Ông Lê V D – Nguyên Chủ tịch liên đoàn lao động huyện Đ Đ.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông V Đ Q – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ Đ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ Đ, tỉnh G L tham gia phiên tòa***: Ông Nguyễn N T– Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2019 tại: Hội trường Tòa án nhân dân huyện Đ Đ, tỉnh G L, Tòa án nhân dân huyện Đ Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 18/2019/HSST, ngày 03 tháng 6 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2019/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 7 năm 2019 đối với bị cáo:

L, sinh năm: 1997 tại: tỉnh G L; Nơi cư trú: Làng Đ G, xã Đ S M, huyện Đ Đ, tỉnh G L; Nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 09/12; Dân tộc: Bana; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Tin Lành, Con ông H, sinh năm 1973 và con bà P, sinh năm 1974.

Gia đình bị cáo có 5 chị em, lớn nhất sinh năm 1995, nhỏ nhất sinh năm 2014. Bị cáo là con thứ 2 trong gia đình; Bị cáo chưa có vợ; Bị cáo tại ngoại hiện có mặt tại phiên tòa

Bị hại

1.N – sinh năm: 1985 (Đã chết)

Trú tại: Làng K M H, xã H Đ, huyện Đ Đ, tỉnh G L.

2. E – sinh năm: 1986 (Đã chết)

Trú tại: Làng K M H, xã H Đ, huyện Đ Đ, tỉnh G L.

Đại diện hợp pháp của bị hại N: ông C, sinh năm: 1959 (bố ruột)

Trú tại: Làng K M H, xã H Đ, huyện Đ Đ, tỉnh G L.

Có mặt

Đại diện hợp pháp của bị hại E:

1. Chị X – sinh năm: 1972 (chị ruột)

Trú tại: Làng K M H, xã H Đ, huyện Đ Đ, tỉnh G L.

Có mặt

2. Anh N – sinh năm: 1978 (anh ruột)

Trú tại: Làng K M H, xã H Đ, huyện Đ Đ, tỉnh G L.

Có mặt

3. Chị X – sinh năm: 1980 (chị ruột)

Trú tại: Làng K M H, xã H Đ, huyện Đ Đ, tỉnh G L.

Có mặt

4. Anh Đ – sinh năm: 1990 (em ruột)

Trú tại: Làng K M H, xã H Đ, huyện Đ Đ, tỉnh G L.

Có mặt

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1.Ông H – sinh năm: 1973

Trú tại: Làng Đ G, xã Đ S M, huyện Đ Đ, tỉnh G L

Có mặt

2. Anh N – sinh năm: 1978

Trú tại: Làng K M H, xã H Đ, huyện Đ Đ, tỉnh G L.

Có mặt

Người bào chữa cho bị cáo L: Bà Nguyễn H K L– Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh G L.

Có mặt

Người phiên dịch: Ông J

Trú tại: Thôn K, thị trấn Đ Đ, huyện Đ Đ, tỉnh G L

Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ ngày 01/12/2018, L điều khiển xe công nông (độ chế) không có biển kiểm soát (BKS) đi từ nhà thuộc Làng Đ G, xã Đ S M, huyện Đ Đ để chở cà phê đến cho bà M (trú tại làng Đ, xã Đ S M, huyện Đ Đ). Sau khi giao cà phê cho bà Mxong, khoảng 17 giờ 30 phút cùng ngày, L điều khiển xe công nông trên lưu thông trên đường quốc lộ 19D theo hướng từ làng Đ về Làng Đ G, xã Đ S M, huyện Đ Đ, tỉnh G L. Khi đi đến địa phận Làng Đ G thì L phát hiện phía trước khoảng 5m có 01 xe mô tô đang dựng trên mép đường bên phải theo hướng xe L đang đi nên L điều khiển xe tránh sang bên trái thì tông vào xe mô tô BKS: 77M1- 009.94 do anh N điều khiển chở vợ là chị E ngồi phía sau đang lưu thông theo hướng ngược lại.

Hậu quả: Anh N và chị E chết tại chỗ; xe mô tô bị hư hỏng.

Theo Kết luận giám định pháp y tử thi số: 62 và 63 ngày 17 tháng 12 năm 2018 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh G L kết luận: Anh N và chị E chết do chấn thương sọ não.

*** Hiện trường vụ tai nạn giao thông được thể hiện như sau:**

+ Hiện trường xảy ra vụ tai nạn trên đường quốc lộ 19D thuộc địa phận Làng Đ G, xã Đ S M, huyện Đ Đ, tỉnh G L. Đường cong được rải nhựa bê tông cứng; mặt đường rộng 05m80.

+ Xác định điểm mốc và mép đường chuẩn: Điểm cố định là cột điện số 455; mép đường chuẩn được xác định là bên phải tính theo chiều xã Đ S M đi thành phố Kon Tum. Cột điện số 455 nằm phía trong mép đường bên phải

+ Sau tai nạn hiện trường để lại những dấu vết sau:

+ Vị trí xe công nông dừng sau tai nạn (ký hiệu vết 1) ở mép đường bên trái, đầu xe hướng vào mép đường bên trái, đuôi xe hướng ra lòng đường. Đo từ lốp trước bên phải đến mép đường bên phải là 06m18. Đo từ trục sau bên phải đến mép đường bên phải là 04m50.

+ Sau tai nạn xe mô tô BKS: 77M1- 009.94 (ký hiệu vết 2) nằm dưới, trong gầm xe công nông, đầu xe hướng về xã Đ S M, đuôi xe hướng về thành phố Kon Tum. Đo từ trục sau xe mô tô BKS: 77M1- 009.94 đến trục trước bên phải xe công nông là 02m; đo từ trục trước xe mô tô BKS: 77M1- 009.94 đến trục sau bên phải xe công nông là 01m.

+ Sau tai nạn hiện trường để lại vết màu nâu nghi máu (ký hiệu vết 3), có diện (02m10x0m40), đo từ đầu vết đến mép đường bên phải là 04m20; đo từ cuối vết đến mép đường bên phải là 04m60.

+ Vết cà song song do xe mô tô BKS: 77M1- 009.94 sau khi ngã tạo nên, vết cà dài 06m80, chiều hướng từ lòng đường vào mép đường bên trái; đo từ đầu vết cà đến mép đường bên phải là 03m90; cuối vết cà trùng với gác để chân bên trái xe mô tô. Hai vết cà song song cách nhau 0m65.

+ Đo từ trục trước bên phải xe công nông đến điểm cố định là 29m

***Dấu vết để lại trên phương tiện liên quan đến tai nạn giao thông:**

1. Đối với xe công nông:

+ Mặt ngoài cản bảo vệ phía trước bên trái có dính sơn màu hồng đỏ, có diện (17x12)cm, chiều hướng từ phải qua trái, dưới lên.

+ Dè chắn làm bằng kim loại, cạnh phía trước bên trái có vết sơn màu hồng đỏ, có kích thước (19x4,5)cm, không xác định được chiều hướng.

+ Xe công nông có chiều dài 05m40, chiều rộng của hai trục trước 01m80. Chiều rộng giữa hai trục sau 02m05. Thùng xe dài 03m21; rộng 01m84; cao 59cm. Xe được gắn động cơ Tiger powr, tay lái làm vô lăng.

2. Đối với xe mô tô BKS: 77M1- 009.94:

+ Tay lái bên phải bị cong gập một góc 90^0, chiều hướng từ phải qua trái.

+ Ốp cao su tay cầm bên trái; Ốp nhựa bảo vệ đồng hồ công tơ mét, cụm đèn chiếu sáng và ốp mặt nạ; Phuộc nhún phía trước; Cần đi số; Yên xe; Gác để chân phía sau bên trái bị bung rời khỏi vị trí định vị.

+ Vành bánh trước bị gãy kim loại, có diện (30x05)cm.

+ Vỏ lốc máy phía trước bị bể kim loại có diện (08x09)cm; Vỏ lốc máy bên trái bị bể kim loại có diện (14x11)cm.

+ Gác để chân phía trước bên trái bị cong gập vào lốc máy.

+ Gác để chân phía trước bên phải bị cong gập vào lốc máy, chiều hướng từ phải qua trái.

+ Ốp nhựa bảo vệ sườn xe bên trái bị bể nhựa có diện 07cm x 06cm.

+ Cụm đèn tín hiệu, đèn stop bị bể hoàn toàn.

+ Ốp nhựa bảo vệ khung sườn xe bên phải bị bể có diện (12x 01)cm.

+ Chân thắng bên phải bị cong gập vào lốc máy.

+ Sau tai nạn hệ thống đèn chiếu sáng, hệ thống phanh bị hư hỏng không kiểm tra được.

Qua định giá của Hội đồng định giá tài sản huyện Đ Đ, tỉnh G L kết luận: Phần hư hỏng của mô tô BKS: 77M1- 009.94 có tổng trị giá là 3.275.000 đồng.

Tại cáo trạng số 19/CT-VKS ngày 30 tháng 5 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ Đ truy tố bị cáo L về tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" theo điểm a, đ khoản 2 Điều 260 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo L về tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ"

Đề nghị áp dụng: Điểm a, đ khoản 2 Điều 260 Bộ luật hình sự; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo L từ 3 năm 6 tháng đến 4 năm tù. Thời hạn tù tính từ bắt thi hành án

Căn cứ Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo L phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

Người bào chữa cho bị cáo thống nhất cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ Đ và mức hình phạt mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ Đ đề nghị nhưng mong HĐXX xem xét áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự xử cho bị cáo mức án dưới khung hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ Đ trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp và đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Khoảng 15 giờ ngày 01/12/2018, bị cáo L điều khiển xe công nông (độ chế) không có biển kiểm soát (BKS) đi từ nhà thuộc Làng Đ G, xã Đ S M, huyện Đ Đ để chở cà phê đến cho bà M(trú tại làng Đ, xã Đ S M, huyện Đ Đ). Sau khi giao cà phê cho bà Mxong, đến khoảng 17 giờ 30 phút cùng ngày, bị cáo điều khiển xe công nông trên lưu thông trên đường quốc lộ 19D theo hướng từ làng Đ về Làng Đ G, xã Đ S M, huyện Đ Đ, tỉnh G L. Khi đi đến địa phận Làng Đ G thì bị cáo phát hiện phía trước khoảng 5m có 01 xe mô tô đang dựng trên mép đường bên phải theo hướng xe đang đi nên bị cáo điều khiển xe tránh sang bên trái thì tông vào xe mô tô BKS: 77M1-009.94 do anh N điều khiển chở vợ là chị E ngồi phía sau đang lưu thông theo hướng ngược lại.

Hậu quả: Anh N và chị E chết tại chỗ; xe mô tô bị hư hỏng. Tài sản bị thiệt hại là 3.275.000 đồng.

Bị cáo L điều khiển xe công nông đi không đúng phần đường, lấn sang phần đường bên trái theo hướng đi đã vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật giao thông đường bộ, gây ra hậu quả làm 02 người chết. Hội đồng xét xử xác định nguyên nhân dẫn đến tai nạn giao thông là do lỗi hoàn toàn của bị cáo. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" được quy định tại Điều 260 Bộ luật hình sự như Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ Đ đã truy tố là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Do vậy, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình.

[3] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

+ Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng

+Về nhân thân và tình tiết giảm nhẹ trách nhiện hình sự:

Bị cáo có nhân thân tốt, chưa phạm tội lần nào, chưa có tiền án tiền sự, bị cáo là người đồng bào dân tộc thiểu số nên nhận thức pháp luật còn hạn chế (được Ban chỉ huy quân sự huyện Đ Đ tặng giấy khen "hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong đợt huấn luyện lực lượng dân quân cơ động cụm số 2 năm 2018"); trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tác động gia đình

bồi thường khắc phục hậu quả cho đại diện hợp pháp của gia đình nạn nhân tổng số tiền 104.840.000 đồng; đại diện gia đình nạn nhân đã làm đơn bãi nại cho bị cáo và tại phiên tòa yêu cầu xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, mặt khác gia đình bị cáo thuộc hộ nghèo, bị cáo là lao động chính trong gia đình. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4] Về hình phạt:

Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên hậu quả xảy ra làm 02 người chết là nghiêm trọng, do vậy Hội đồng xét xử xét thấy, cần phải xử phạt một mức án tù có thời hạn mới đủ tác dụng giáo dục răn đe đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Về vật chứng:

Đối với xe công nông, quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra quyết định trả lại cho ông H là chủ sở hữu theo quy định.

Đối với 01 xe mô tô BKS: 77M1- 009.94. Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra quyết định trả lại cho đại diện gia đình nạn nhân là ông Chõng theo quy định.

[6] Về dân sự : Sau khi xảy ra vụ tai nạn bị cáo đã tác động gia đình (cụ thể là ông H bố của L) bồi thường khắc phục hậu quả cho đại diện hợp pháp của gia đình nạn nhân tổng số tiền 104.840.000 đồng. Đại diện hợp pháp của nạn nhân đã nhận đủ và không yêu cầu bồi thường gì thêm. Ông H cũng không yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền mà ông H đã bồi thường cho gia đình bị hại.

Đối với xe xe mô tô BKS: 77M1- 009.94 , sau khi xảy ra tai nạn Hội đồng định giá tài sản huyện Đ Đ xác định bị thiệt hại có giá trị là 3.275.000 đồng. Đối với tài sản bị thiệt hại trên không có ai yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a, đ khoản 2 Điều 260 ; điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo L phạm tội: *"Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ"*

Xử phạt: Bị cáo L 3 năm 6 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Căn cứ Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 sửa đổi, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo L phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 02/8/2019), bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án về phần liên quan đến quyền lợi của mình để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh G L xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh G L;
- Sở tư pháp tỉnh G L;
- Công an huyện Đ Đ;
- VKSND huyện Đ Đ;
- THADS;
- Bị cáo;
- Người đại diện hợp pháp của bị hại;
- Người bào chữa cho bị cáo;
- Người có qlnvlq đến vụ án;
- Lưu hồ sơ/VP

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn T S